

Bùi Quốc Công

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020

Công ty Cổ phần ô tô TMT (Mã chứng khoán: TMT) đã tiến hành công bố Báo cáo tài chính quý I năm 2022. Liên quan đến nội dung công bố, Công ty chúng tôi xin giải trình về sự biến động lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ năm 2021 như sau:

1. Tình hình hoạt động kinh doanh tại Công ty quý I năm 2022 :

Dvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý I Năm 2022	Quý I Năm 2021	Chênh lệch	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.015.319.614.659	516.010.284.108	499.309.330.551	96,76%
2	Giá vốn hàng bán	924.246.050.512	465.091.338.565	459.154.711.947	98,72%
3	Lợi nhuận gộp BH và CCDV	87.105.382.328	49.253.532.896	37.851.849.432	76,85%
4	Doanh thu tài chính	3.488.616.850	10.979.301	3.477.637.549	31.674,49%
5	Chi phí tài chính	27.441.834.703	11.646.632.510	15.795.202.193	135,62%
6	Chi phí bán hàng	24.482.117.450	16.418.219.257	8.063.898.193	49,12%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.383.732.781	11.151.121.922	-2.767.389.141	-24,82%
8	Lợi nhuận khác	70.436.469	51.876.500	18.559.969	35,78%
9	Lợi nhuận sau thuế	24.239.399.770	8.032.331.206	16.207.068.564	201,77%

Lợi nhuận sau thuế quý I/2022 đạt 24,239 tỷ VNĐ. tăng 16,207 tỷ VNĐ tương ứng 201,77% so với cùng kỳ năm 2021. nguyên nhân chủ yếu do:

- Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 1.015 tỷ VNĐ tăng 499 tỷ VND tương ứng 96,76 % do công ty đã áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt, hiệu quả, đồng thời thương hiệu ô tô TMT với chính sách chăm sóc khách hàng nhanh chóng, tận tâm ngày càng được khách hàng tin cậy.

- Doanh thu tài chính quý I năm 2022 tăng 3,47 tỷ tương ứng 31,674% so với quý I năm 2021 nguyên nhân chủ yếu là do lãi do chênh lệch tỷ giá cho các hợp đồng nhập khẩu.

- Đồng thời chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 2,7 tỷ VNĐ. do Công ty quản lý chi phí hiệu quả.

2. Kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1 năm 2022 của toàn Công ty

Doanh thu bán hàng hợp nhất Quý 1 năm 2022 đạt 1.001 tỷ VNĐ tăng 485 tỷ VNĐ tương ứng với 94,00% so với cùng kỳ năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt 25,1 tỷ đồng. tăng trưởng 225,7% so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do hoạt động sản xuất kinh doanh từ công ty mẹ

Trên đây là một số nguyên nhân chủ yếu có tác động lớn đến kết quả kinh doanh quý I năm 2022 của Công ty cổ phần ô tô TMT.

Xin trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. P.TCKT.



Công ty cổ phần ô tô TMT

Bùi Văn Hữu



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TỰ LẬP
cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh Đạo Công Ty	2 – 3
Báo cáo tài chính hợp nhất năm tự lập	4-29
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7-8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9-10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất tự lập năm của Công ty cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022,

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp,

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô, phụ tùng các loại,

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội,

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;
Ông Bùi Quốc Hưng	Ủy viên;
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên;
Ông Vũ Đình Phóng	Ủy viên;
Ông Mai Tiến	Ủy viên;
Ông Bùi Tiến Đạt	Ủy viên;
Ông Bùi Quang Huy	Ủy viên,

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách Phòng tài chính kế toán trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Lê Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc;	Bổ nhiệm ngày 08/6/2022
Ông Nguyễn Nghĩa Trung	Phụ trách Phòng tài chính kế toán,	

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ,

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác,

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ,

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2022

Công ty cổ phần ô tô TMT



Bùi Văn Hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,117,915,722,476	2,726,730,707,143
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		63,956,234,981	28,099,529,213
1. Tiền	111	V.01	63,956,234,981	28,099,529,213
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	71,049,187,806	65,924,026,162
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1,073,530	1,073,530
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(430,930)	(430,930)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		71,048,545,206	65,923,383,562
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		638,605,977,941	528,095,163,187
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	154,985,504,316	120,137,402,183
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		79,608,584,241	34,859,340,666
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		212,187,183,000	212,187,183,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	194,256,961,769	163,417,970,740
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2,528,115,415)	(2,528,115,415)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		95,860,030	21,382,013
IV. Hàng tồn kho	140		1,309,385,556,324	2,009,572,088,027
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1,334,861,199,869	2,024,049,491,548
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(25,475,643,545)	(14,477,403,521)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34,918,765,424	95,039,900,554
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10,293,651,105	9,418,606,634
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24,567,303,710	85,503,970,319
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.05	57,810,609	117,323,601
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		388,627,491,294	394,040,253,037
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	15,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	V.06	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	216	V.07	-	15,000,000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		307,615,109,578	310,779,686,266
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	256,906,201,303	260,061,562,216
- Nguyên giá	222		441,913,766,897	440,560,990,691
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(185,007,565,594)	(180,499,428,475)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	50,708,908,275	50,718,124,050
- Nguyên giá	228		50,933,945,000	50,933,945,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(225,036,725)	(215,820,950)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	2,289,388,539	1,940,161,388
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2,289,388,539	1,940,161,388
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	(355,928,150)	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(355,928,150)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		79,078,921,327	81,305,405,383
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	65,820,481,320	67,786,026,725
5. Lợi thế thương mại	269		13,258,440,007	13,506,731,860
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,506,543,213,770	3,120,770,960,180

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2,023,281,715,225	2,661,964,947,616
I. Nợ ngắn hạn	310		1,946,569,914,398	2,597,115,927,789
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	941,099,095,371	1,578,993,467,002
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		189,230,799,851	112,511,043,954
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	8,511,255,023	13,197,235,163
4. Phải trả người lao động	314		1,671,475,437	15,443,619,257
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	30,996,596,952	36,634,490,234
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	28,067,581,291	69,051,082,388
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		746,619,441,975	771,275,040,253
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		373,668,498	9,949,538
II. Nợ dài hạn	330		76,711,800,827	64,849,019,827
7. Phải trả dài hạn khác	337		27,400,000,000	26,400,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	49,311,800,827	38,449,019,827
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		483,261,498,545	458,806,012,564
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	483,261,498,545	458,806,012,564
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		372,876,800,000	372,876,800,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		372,876,800,000	372,876,800,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		360,727,500	360,727,500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		483,226,387	483,226,387
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(8,680,989,647)	(8,680,989,647)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16,806,553,031	16,392,834,071
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		101,205,887,198	77,180,476,970
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		76,111,972,925	35,808,580,932
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		25,093,914,273	41,371,896,038
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		209,294,076	192,937,283
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,506,543,213,770	3,120,770,960,180

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2022

Người lập biểu

Đinh Thị Ngọc

 Phụ trách
Phòng Tài chính kế toán

Bùi Thị Thùy

Chủ tịch hội đồng quản trị

Bùi Văn Hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Báo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1,001,052,787,584	516,010,284,108
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	3,968,181,819	1,665,412,647
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	997,084,605,765	514,344,871,461
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	901,644,083,666	465,091,338,565
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		95,440,522,099	49,253,532,896
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	3,467,881,878	10,979,301
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	27,441,834,703	11,646,632,510
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19,360,569,331	11,575,523,535
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		29,012,980,855	16,418,219,257
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		11,100,080,814	11,468,281,494
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31,353,507,605	9,731,378,936
12. Thu nhập khác	31		164,035,510	291,880,500
13. Chi phí khác	32		1,318,187	240,004,000
14. Lợi nhuận khác	40		162,717,323	51,876,500
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31,516,224,928	9,783,255,436
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	6,413,210,439	2,068,083,802
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.08	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		25,103,014,489	7,715,171,634
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		25,093,914,273	7,715,171,950
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		9,100,216	(316)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		681	209
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		681	209

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2022

Người lập biểu

Đinh Thị Ngọc

Phụ trách
Phòng Tài chính kế toán

Bùi Thị Thùy



Chủ tịch hội đồng quản trị

Bùi Văn Hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Báo

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2022

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế	
				Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1,001,052,787,584	516,010,284,108	1,001,052,787,584	516,010,284,108
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	3,968,181,819	1,665,412,647	3,968,181,819	1,665,412,647
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	997,084,605,765	514,344,871,461	997,084,605,765	514,344,871,461
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	901,644,083,666	465,091,338,565	901,644,083,666	465,091,338,565
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		95,440,522,099	49,253,532,896	95,440,522,099	49,253,532,896
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	3,467,881,878	10,979,301	3,467,881,878	10,979,301
7	Chi phí tài chính	22	VI.05	27,441,834,703	11,646,632,510	27,441,834,703	11,646,632,510
8	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19,360,569,331	11,575,523,535	19,360,569,331	11,575,523,535
9	Chi phí bán hàng	25	VI.08	29,012,980,855	16,418,219,257	29,012,980,855	16,418,219,257
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	11,100,080,814	11,468,281,494	11,100,080,814	11,468,281,494
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31,353,507,605	9,731,378,936	31,353,507,605	9,731,378,936
12	Thu nhập khác	31	V.06	164,035,510	291,880,500	164,035,510	291,880,500
13	Chi phí khác	32	V.07	1,318,187	240,004,000	1,318,187	240,004,000
14	Lợi nhuận khác	40		162,717,323	51,876,500	162,717,323	51,876,500
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31,516,224,928	9,783,255,436	31,516,224,928	9,783,255,436
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	6,413,210,439	2,068,083,802	6,413,210,439	2,068,083,802
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		25,103,014,489	7,715,171,634	25,103,014,489	7,715,171,634
18.1	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			25,093,914,273	7,715,171,950	25,093,914,273	7,715,171,950
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			9,100,216	(316)	9,100,216	(316)
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		681	209	681	209

Người lập biểu

Phụ trách phòng TCKT

Chủ tịch hội đồng quản trị



Đinh Thị Ngọc

Bùi Thị Thùy

Bùi Văn Hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Báo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp gián tiếp)****Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 03 năm 2022***Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
I, Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1, Lợi nhuận trước thuế	01	31,435,255,161	9,783,255,436
2, Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4,877,839,444	4,156,964,737
- Các khoản dự phòng	03	34,098,129,024	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	5,112,795,681	71,108,975
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(499,072,692)	(10,979,301)
- Chi phí lãi vay	06	19,339,076,494	11,575,523,535
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	94,364,023,112	25,575,873,382
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2,101,706,101,380	(89,902,104,318)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	689,251,525,668	113,360,286,869
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(2,838,861,497,284)	101,590,341,024
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1,432,955,108	(158,273,477)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	18,594,905	(11,501,721,653)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9,288,879,138)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(50,000,000)	(3,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	38,572,823,751	138,961,401,827
II, Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1, Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	15,963,678,578	(1,956,505,530)
2, Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3, Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(24,478,423,644)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ABC

Số nhà 15, đường Đinh Tiên Hoàng, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
4, Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	19,353,262,000	16,555,724,000
5, Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(22,000,000,000)
6, Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7, Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	141,123,146	10,979,302
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10,979,640,080	(7,389,802,228)
III, Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1, Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2, Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3, Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,854,981,373,181	304,991,062,650
4, Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,868,689,190,459)	(446,172,146,794)
5, Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6, Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13,707,817,278)	(141,181,084,144)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	35,844,646,553	(9,609,484,545)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	28,099,529,213	71,825,084,919
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	12,059,215	9,621,238
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	63,956,234,981	62,225,221,612

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2022

Người lập biểu

Phụ trách
Phòng Tài chính kế toán

Chủ tịch hội đồng quản trị

Đinh Thị Ngọc

Bùi Thị Thùy

Bùi Văn Hữu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 03 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần,

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ,

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán quý 1 năm 2022 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô, phụ tùng các loại,

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại của Công ty khoảng từ 04 tháng đến 06 tháng,

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con được hợp nhất gồm:

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh (từ ngày 03/2/2022)	Số nhà 28, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần ô tô TMT Đà Nẵng	Thôn Quá Giáng, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ Phần ô tô TMT Sài Gòn	Số 1454 Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

- Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cửu Long	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy xe khách, xe buýt TMT	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 1454 Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Đà Nẵng	Thôn Quá Giáng, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 678 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 630 người),

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm,

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND),

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo,

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành,

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch,

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán,

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển,

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó,

03. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời,

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh,

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh,
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật,

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó, Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính, Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính,

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc, Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán,

Tăng/giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính,

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn,

04. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi, Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra,

05. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác, Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi,

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự,

06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được, Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh,

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền,

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên,

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được,

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc, Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại,

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

Riêng đối với quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện tính khấu hao,

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau,

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý, Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng,

09. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua do Công ty mẹ nắm giữ,

Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm,

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả,

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác,
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước,

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ,

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay,

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu,

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ,

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh,

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp,

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại, Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu,

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty, Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ, Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam,

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chốt danh sách trả cổ tức của Công ty,

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng,

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích, Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ,

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy, Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó, Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó,

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn,

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại,

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh, Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau),

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ,

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán,

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính,

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành,

18. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu,

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con,

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con,

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:**Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ hệ thống phải được loại trừ toàn bộ, Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn,

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ,

Nếu đến cuối kỳ kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong hệ thống,

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ hệ thống sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối kỳ trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó, Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”, Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm của cả hệ thống, Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất ,

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong hệ thống phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất, Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của các công ty con,

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	63,956,234,981	28,099,529,213
+ <i>Tiền mặt</i>	21,071,726,671	859,853,300
+ <i>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn</i>	42,884,508,310	27,239,675,913
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	63,956,234,981	28,099,529,213

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

1. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
+ Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	679,000	348,000	679,000	348,000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	394,530	183,600	394,530	183,600
Cộng	1,073,530	531,600	1,073,530	531,600
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	71,048,545,206	71,048,545,206	65,923,383,562	65,923,383,562
Cộng	71,048,545,206	71,048,545,206	65,923,383,562	65,923,383,562

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	71,048,545,206	71,048,545,206	65,923,383,562	65,923,383,562
Cộng	71,048,545,206	71,048,545,206	65,923,383,562	65,923,383,562

(*): Là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng TMCP có kỳ hạn không quá 12 tháng, lãi suất từ 3,2%/năm đến 5,3%/năm,

3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ				Số đầu năm			
	% quyền biểu quyết/sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% quyền biểu quyết/sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con		34,799,500,000	-	-		34,799,500,000	-	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh ^(a)	99,998	24,999,500,000	-	(*)	-	24,999,500,000	-	-
+ Công ty Cổ phần ô tô TMT Đà Nẵng	98,00	4,900,000,000	175,066,518			4,900,000,000	175,066,518	
+ Công ty Cổ phần ô tô TMT Sài Gòn	98,00	4,900,000,000	180,861,632			4,900,000,000	180,861,632	

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- <i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	-	-	-
+ Công ty CP Thiết bị Bưu điện	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	-	-	-
Cộng	34,799,500,000	355,928,150	34,799,500,000
			355,928,150
			-

(a): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh tăng do trong kỳ, Công ty nhận chuyển nhượng 999,980 cổ phần của các cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh với tổng giá trị nhận chuyển nhượng là 24,999,500,000 đồng, Tại ngày 31/03/2022, Công ty sở hữu 999,980 cổ phần (mệnh giá 100,000 đồng/cổ phần) của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh, tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 99,998%,

(*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh chưa xác định giá trị hợp lý do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá, Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ, Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định trên cơ sở giá niêm yết trên sản giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ,

Đơn vị tính: VND

3. Phải thu của khách hàng

a, Phải thu của khách hàng ngắn hạn

- Ban Quản lý dự án số 3	154,985,504,316	120,137,402,183
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	2,905,379,780	2,905,379,780
- Công ty Cổ phần ô tô TMT Sài Gòn	57,419,598,724	84,908,155,286
- Công ty Cổ phần Dầu tư và Thương mại H&H Hà Nội	-	9,663,909,695
- Công ty Cổ phần Phân phối Sinotruk Việt Nam	3,545,919,050	3,545,919,050
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	3,479,993,530	3,479,993,530
	87,634,613,232	15,634,044,842
b, Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	154,985,504,316	120,137,402,183

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>				
- Ông Vũ Quang Tuấn	212,187,183,000	-	212,187,183,000	-
- Ông Trần Văn Đồng	35,000,000,000	-	35,000,000,000	-
- Ông Hoàng Đức Hùng	30,000,000,000		30,000,000,000	
- Ông Nguyễn Trọng Dũng	27,000,000,000		27,000,000,000	
- Bà Đỗ Thị Vân	37,000,000,000		37,000,000,000	
- Ông Nguyễn Huy Tiến	43,000,000,000		43,000,000,000	
- Ông Đỗ Văn Phương	15,187,183,000		15,187,183,000	
	25,000,000,000		25,000,000,000	
<i>b. Dài hạn</i>				
	-	-	-	-
Cộng	212,187,183,000	-	212,187,183,000	-

05. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	194,256,961,769	(2,528,155,415)	194,256,961,769	(2,528,155,415)
- Tạm ứng	5,788,637,947	-	-	-
	126,213,394,805	-	36,708,997,710	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn			104,494,222,698	-
	53,388,211,905	(2,528,155,415)	53,053,741,361	(2,528,155,415)
- Phải thu khác				
<i>b. Dài hạn</i>				
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	15,000,000	-
	-	-	15,000,000	-
Cộng	194,256,961,769	(2,528,155,415)	194,271,961,769	(2,528,155,415)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Nhà máy cơ khí 120	500,000,000	-	500,000,000	-
- DNTN Thịnh Hưng	602,975,940	-	602,975,940	-
- Công ty TNHH dịch vụ công nghiệp Hoàng Hà	1,098,680,000	-	1,098,680,000	-
- Các đối tượng khác	379,188,337	-	379,188,337	-
Cộng	2,528,155,415	-	2,528,155,415	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	4,711,679,706	-	202.413.665	-
- Nguyên liệu, vật liệu	63,718,868,946	(3,024,007,524)	52.674.989.971	(3,024,007,524)
- Công cụ, dụng cụ	4,285,033,828	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	59,893,458,519	-	43.660.093.995	-
- Thành phẩm	525,702,988,890	(9.985.644.399)	1.310.053.507.026	(3.271.499.080)
- Hàng hoá	146,636,276,809	(4.147.563.592)	189.663.634.148	(3.612.413.597)
- Hàng gửi bán	529,912,893,171	(8.318.428.028)	427.794.852.743	(4.569.533.320)
Cộng	1,334,861,199,869	(25,475,643,545)	2,024,049,491,548	(14,477,403,521)

8. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Xây dựng cơ bản	2,289,388,539	1,940,161,388
+ Triển khai hệ thống phần mềm ERP	812,000,000	812,000,000
+ Chi phí XD CB dở dang khác	1,477,388,539	1,128,161,388
Cộng	2,289,388,539	1,940,161,388

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

9. Vay và nợ thuê tài chính

	Số dư 01/01/2022	Số dư 31/03/2022
a Vay ngắn hạn	771,275,040,253	746,619,441,975
- Vay ngân hàng	740,385,821,167	-
+ Ngân hàng BIDV	314,360,106,047	458,628,396,155
+ Ngân hàng HDBank	2,425,845,547	2,425,845,547
+ Ngân hàng VP bank	308,636,077,085	265,830,513,835
+ Ngân hàng Quân đội	20,343,877,700	13,501,065,630
+ Ngân hàng PVICombank	110,096,481,643	0
- Vay Khác	15,614,653,093	6,233,620,808
b Vay dài hạn	38,449,019,827	49,311,800,827
Cộng	809,724,060,080	795,931,242,802

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

(a): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) để bổ sung vốn lưu động, mở LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 700 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 01 năm, lãi suất trong kỳ từ 7,8% đến 8,5%/năm, Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/134960/HĐBĐ, hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/134960/HĐBĐ và hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/134960/HĐBĐ, tài sản đảm bảo của bên thứ 3 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/134960/HĐBĐ, số 02/2019/134960/HĐBĐ và hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết số 03/2019/134960/HĐBĐ, tài sản luân chuyển trong quá trình SXKD là hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/HĐBĐ,

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (b): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nam Hà Nội với lãi suất 9,5%/năm theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 4515028/2022/HĐHM/VPB ngày 25/3/2022 để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 800 tỷ đồng, thời hạn vay tối đa không quá 11 tháng, lãi suất trong kỳ từ 7,9%/năm, Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại thửa đất số 1487, 1488 tờ bản đồ số 38, địa chỉ phường Thới An, quận 12 thành phố Hồ Chí Minh, 03 xe ô tô bán tải nhãn hiệu Ford Ranger, biển kiểm soát 29H-250,76, 29H-250,78 và 29H-250,09, hàng hóa hình thành từ L/C thuộc sở hữu của Công ty và các xe ô tô lắp ráp từ linh kiện nhập khẩu trực tiếp hình thành từ vốn vay Ngân hàng, các sổ tiết kiệm tiền gửi của Công ty và bảo lãnh cá nhân của ông Bùi Văn Hữu,
- (c): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/HĐTD-PN/PPC-12,2017 ngày 21/01/2022 để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 250 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 8,7% đến 9,5%/năm, Khoản vay được đảm bảo bộ linh kiện bằng bộ linh kiện hình thành từ vốn vay, thành phẩm là xe ô tô tải hiệu Cửu Long do Công ty lắp ráp hoàn chỉnh từ linh kiện nhập khẩu do Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội tài trợ, xe ô tô nhập khẩu nguyên chiếc nhãn hiệu Sinotruck, Howo mới 100% hình thành từ vốn vay, xe lắp ráp thành phẩm, xe nhập khẩu nguyên chiếc có thời hạn kể từ ngày cấp giấy CN xuất xưởng/ đăng kiểm không quá 04 tháng thuộc sở hữu của Công ty,
- (d): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Minh Khai theo hợp đồng cấp tín dụng số 26578,21,065,27422,TD ngày 01/6/2022 với hạn mức tín dụng 50 – 100 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức đến ngày 20/5/2022, lãi suất 7,2%/năm, Tài sản đảm bảo là hàng hóa hình thành từ phương án Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Minh Khai tài trợ,
- (e): Khoản vay cá nhân phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Lãi suất vay 0%/năm, Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp,
- (f): Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Nam Hà Nội theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho vay số 251218-4515028-01-SME ngày 18/01/2019 để tài trợ khoản vay "Đầu tư xây dựng trung tâm showroom và tổng kho - Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại phường Thới An, quận 12 Tp HCM", Thời hạn vay 06 năm, lãi suất vay từ 10,3%/năm, Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và TS gắn liền với đất tại thửa đất số 1487, 1488, tờ bản đồ 38, địa chỉ phường Thới An, quận 12, thành phố HCM thuộc quyền sử dụng và sở hữu của TMT; Bảo lãnh cá nhân của bên thứ 3,
 - Hợp đồng vay số 171019-4515028-01-SME ngày 22/10/2019 để tài trợ chi phí đầu tư văn phòng làm việc tại tòa nhà Coninco số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Thời hạn vay 07 năm, lãi suất vay từ 10,8%/năm đến 11,6%/năm,
 - Hợp đồng vay số 050719-4515028-01-SME ngày 05/7/2019 để mua xe ô tô Ford phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Thời hạn vay 06 năm, lãi suất 10%/năm được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay,
- (g): Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam theo hợp đồng vay số 299/2016/HDCV/PVBHBT-TMT ngày 28/10/2016 để đầu tư vào nhà máy sản xuất lắp ráp xe ô tô tải hạng trung, hạng nặng, thời hạn vay 05 năm, lãi suất 11,7%/năm được đảm bảo bằng quyền tài sản phát sinh từ quyền thuê đất tại huyện Văn Lâm, Hưng Yên và một số máy móc thiết bị tại nhà máy ô tô Cửu Long,

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
10. Phải trả người bán				
<i>a, Phải trả người bán ngắn hạn</i>	941,099,095,371	941,099,095,371	1,578,993,467,002	1,578,993,467,002
CHONGQUING SHUGUANG PANT INDUSTRY CO.,LTD	12,061,875,000	12,061,875,000	12,054,000,000	12,174,750,000
SHIYAN SHIJI ANTU IMP.& EXP, CO,LTD	2,324,840,250	2,324,840,250	2,323,322,400	2,323,322,400
SHANDONG KAMA AUTOMOBILE MANUFACTURING CO., LTD	21,277,205,167	21,277,205,167	-	-
HUBEI TRI-RING SPECIAL VEHICLE CO.,LTD	5,412,435,337	5,412,435,337	5,408,901,646	5,408,901,646
SHANGDONG TANGJUN OULING AUTOMOBILE MANUFACTURE	21,277,205,167	21,277,205,167	54,622,586,430	54,622,586,430
GUANGXI QUINZHOU LISHUN MACHINERY CO.,LTD	72,024,978,382	72,024,978,382	118,788,163,710	54,189,457,675
SINOTRUK IMPORT & EXPRT CO., LTD	698,107,782,419	698,107,782,419	1,092,092,323,544	421,053,318,101
Các đối tượng khác	108,612,773,649	108,612,773,649	293,704,169,272	293,704,169,272
<i>b, Phải trả người bán dài hạn</i>				
Cộng	941,099,095,371	941,099,095,371	1,578,993,467,002	1,578,993,467,002

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	30,996,596,952	36,634,490,234
- Chi phí lãi vay trích trước	898,774,642	916,859,665
- Chi phí vận chuyển	2,516,144,086	5,892,459,122
- Trích trước lương tháng 13		5.444.683.300
- Chi phí LC	1,292,998,481	11,437,880,254
- Các khoản trích trước khác		502,598,370
b. Dài hạn	0	0
Cộng	30,996,596,952	36,634,490,234

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	28,067,581,291	69,051,082,388
- Tài sản thừa chờ giải quyết		39.251.514
- Kinh phí công đoàn	4,825,578,020	4.731.844.846
- Bảo hiểm xã hội	0	5,522,963
- Bảo hiểm y tế	0	300,000
- Bảo hiểm thất nghiệp	0	46,696,942
- Phải trả về cổ phần hóa	10,400,000	10,400,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	23,231,603,271	64,217,066,123
b. Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	27,400,000,000	26,400,000,000
Cộng	55,467,581,291	95,451,082,388

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Vốn chủ sở hữu**a, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
+ Ông Bùi Văn Hữu	123,057,040,000	33	123,057,040,000	33
+ Các đối tượng khác	249,819,760,000	67	249,819,760,000	67
Cộng	372,876,800,000	100	372,876,800,000	100

b, Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	372,876,800,000	372,876,800,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	372,876,800,000	372,876,800,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c, Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37,287,680	37,287,680
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37,287,680	37,287,680
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37,287,680	37,287,680
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409,700	409,700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	409,700	409,700
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36,877,980	36,877,980
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36,877,980	36,877,980
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 đồng/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1,001,052,787,584	516,010,284,108
Cộng	1,001,052,787,584	516,010,284,108

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
- Hàng bán bị trả lại	3,968,181,819	1,521,163,636 144,249,011
- Giảm giá hàng bán		
Cộng	3,968,181,819	1,665,412,647

03. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	901,644,083,666	465,091,338,565
Cộng	901,644,083,666	465,091,338,565

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
- Doanh thu hoạt động tài chính	3,467,881,878	10,979,301
Cộng	3,467,881,878	10,979,301

05. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
- Lãi tiền vay	19,360,569,331	11,575,523,535
- Chi phí tài chính khác	8,081,265,372	71,108,975
Cộng	27,441,834,703	11,646,632,510

06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
<i>a, Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	11,100,080,814	16,418,219,257
<i>b, Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	29,012,980,855	11,468,281,494
Cộng	40,113,061,669	27,886,500,751

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	6,413,210,439	2,068,083,802
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này

Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành

6,413,210,439

2,068,083,802

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	25,103,014,489	7,715,171,634
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36,877,980	36,877,980
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	681	209

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2022

Người lập biểu

Đinh Thị Ngọc

Phụ trách
Phòng tài chính kế toán

Bùi Thị Thùy

Chủ tịch hội đồng quản trị



Bùi Văn Hữu